

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH B**

Bản án số: 118/2021/HNGĐ-ST

Ngày 06/9/2021

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích.

Bà Lê Thị Minh Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Hải - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 06/9/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 46/2021/TLST-HNGĐ ngày 01/4/2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về con chung”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/8/2021 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Chị Giáp Thị Q, sinh năm 1991.

HKTT: Thôn Hồng Phúc, xã Song V, huyện Tân Y, tỉnh B.

Hiện nay đang ở địa chỉ: Số 756, đoạn 4, đường Trung Thanh, khu Đại Nh, thành phố Đà Tr, Đà Loan. (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền nhận văn bản tố tụng của Tòa án thay chị Q: Ông Giáp Văn M, sinh năm 1969. Địa chỉ: Thôn Giếng, xã Song V, huyện Tân Y, tỉnh B. (Vắng mặt)

***Bị đơn:** Anh Dương Văn U, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn Hồng Phúc, xã Song V, huyện Tân Y, tỉnh B.

Hiện đang chấp hành án tại trại giam Ngọc L. (vắng mặt).

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Tạ Thị N, sinh năm 1945. (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Hồng Phúc, xã Song V, huyện Tân Y, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là chị Giáp Thị Q trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh U có được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 04/01/2013 tại UBND xã Song V, huyện Tân Y, tỉnh B. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hạnh phúc nhưng sau đó đến năm 2016 vợ chồng chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do anh U có nhiều mối quan hệ riêng tư bên ngoài với những người phụ nữ khác bên cạnh đó anh U còn sa chân vào tệ nạn xã hội. Chị đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng bị anh U đánh đập và không thay đổi.

Đến cuối năm 2018 do sợ hãi nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Năm 2020 chị đi lao động tại Đài Loan. Do tình trạng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh U để tôi sớm ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Có 01 con chung là cháu Dương Văn H, sinh ngày 11/8/2014. Khi ly hôn chị Q đề nghị được nuôi con chung không yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có tài sản chung nên chị Q không yêu cầu Tòa án phân chia.

- Về công nợ chung: Không có khoản nợ nào, chị Q không đề nghị Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Dương Văn U có quan điểm trình bày:*

Ngày 04/01/2013 anh và chị Giáp Thị Q đăng ký kết hôn tại UBND xã Song V, huyện Tân Y, tỉnh B được tự do tìm hiểu và tiến tới hôn nhân. Trong khoảng thời gian chung sống đến khoảng tháng 01/2020 thì vợ chồng anh phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là không còn tình cảm, kinh tế khó khăn là nguyên nhân sinh ra mâu thuẫn. Anh đồng ý để Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Q.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Dương Văn H, sinh ngày 11/8/2014. Hiện nay đang sống cùng bà nội tại Song Vân, huyện Tân Y. Anh đề nghị tạo điều kiện cho anh và mẹ anh là bà Tạ Thị N được quyền chăm sóc cũng như nuôi dưỡng con chung vì hiện nay chị Q không có ở nhà và đang sinh sống ở nước ngoài.

- Về tài sản chung: Không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án phân chia.
- Về công nợ chung: Không có công nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Tạ Thị N trình bày:

Bà đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của chị Q và được Tòa án thông báo về quan điểm giải quyết vụ án của anh Dương Văn U.

Về quan hệ hôn nhân của hai con thì bà không có ý kiến gì, đây là chuyện riêng của hai con.

- Về con chung: anh U và chị Q có 01 con chung là cháu Dương Văn H, sinh ngày 11/8/2014. Khi ly hôn chị Q đề nghị được nuôi con chung không yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con chung thì gia đình bà không đồng ý vì bà là người chăm sóc giáo dục con chung của anh U từ bé, anh U cũng sắp chấp hành án xong và trở về địa phương. Anh U cũng có nguyện vọng để bà nuôi dưỡng con chung của anh U khi anh U không có nhà. Hiện nay, cháu Hiếu đang ở với gia đình bà, cháu vẫn khỏe mạnh và phát triển bình thường. Bà đồng ý đứng ra chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung của anh U trong thời gian anh U và chị Q không có nhà. Đề nghị Tòa án triệu tập bà là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

* Tại đơn trình bày nguyện vọng của con chung của cháu Dương Văn H, sinh ngày 11/8/2014 thì cháu Hiếu có nguyện vọng được ở với bố và bà nội.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Giáp Thị Q, bà Tạ Thị N xin vắng mặt, chị Q không có quan điểm gì khác về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn. Anh Dương Văn U xin vắng mặt. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ xét thấy tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng chị Q, anh U là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56; Điều 123; Điều 127 -Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết cho chị Giáp Thị Q được ly hôn anh Dương Văn U. Về con chung: Căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83,

Điều 104- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con chung là cháu Dương Văn H, sinh ngày 11/8/2014 cho bà Tạ Thị N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc trong thời gian anh U, chị Q không có nhà. Tài sản chung, công nợ chung: Chị Q không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về án phí: căn cứ khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội buộc chị Giáp Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Giáp Thị Q là người Việt Nam, hiện đang sống và làm việc tại Đài Loan có đơn xin ly hôn và yêu cầu giải quyết nuôi con chung đối với anh Dương Văn U. Bị đơn anh Dương Văn U là người Việt Nam, có hộ khẩu thường trú tại Thôn Hồng Phúc, xã Song V, huyện Tân Y, tỉnh B. Hiện đang chấp hành án tại trại giam Ngọc L. Từ các nội dung trên, HĐXX xác định: Về quan hệ pháp luật đây là vụ án “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1, Điều 28- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; về thẩm quyền: Do có đương sự ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh B, theo quy định tại khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa các đương sự vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. HĐXX thấy việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng quá trình giải quyết vụ án. Do vậy căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

[3.1]. Chị Giáp Thị Q trình bày: Chị và anh U có được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 04/01/2013 tại UBND xã Song V, huyện Tân Y, tỉnh B. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hạnh phúc nhưng sau đó đến năm 2016 vợ chồng chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do anh U có nhiều mối quan hệ riêng tư bên ngoài với những người phụ nữ khác bên cạnh đó

anh U còn sa chân vào tệ nạn xã hội. Chị đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng bị anh U đánh đập và không thay đổi.

Đến cuối năm 2018 do sợ hãi nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Năm 2020 chị đi lao động tại Đài Loan. Do tình trạng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh U để chị sớm ổn định cuộc sống. Anh Dương Văn U có quan điểm đồng ý ly hôn với chị Giáp Thị Q.

[3.2]. Hội đồng xét xử thấy: Quan hệ hôn nhân giữa chị Giáp Thị Q và anh Dương Văn U là hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn. Hiện chị Giáp Thị Q và anh Dương Văn U mỗi người sống một nơi, xa cách về địa lý và không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống nữa, vợ chồng mâu thuẫn cắt đứt liên lạc. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng chị Giáp Thị Q và anh Dương Văn U đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Giáp Thị Q và anh Dương Văn U đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị Giáp Thị Q và anh Dương Văn U đều đồng ý ly hôn. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56; Điều 123; Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Giáp Thị Q được ly hôn anh Dương Văn U.

[4]. Về con chung:

[4.1]. Chị Giáp Thị Q và anh Dương Văn U có 01 con chung là Dương Văn H, sinh ngày 11/8/2014. Chị Q và anh U đều đề nghị được nuôi con chung. Hiện nay, cháu H đang được bà nội chăm sóc nuôi dưỡng.

[4.2]. HĐXX thấy: Hiện nay, chị Q đang lao động tại nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình, anh U đang phải chấp hành án tại trại giam Ngọc L. Con chung của anh U chị Q đang ở ổn định với bà nội. Bên cạnh đó, nguyện vọng của cháu H là được ở cùng với bố và bà nội. Bà N là bà nội của cháu Hiếu cũng đồng ý đứng ra nhận trách nhiệm để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của anh U, chị Q trong thời gian anh U không có ở nhà. Do chị Q, anh U đều đang không ở địa phương, không đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hiếu. Cháu H có nguyện vọng được ở cùng bố và bà Nội. Việc bà N nhận trách nhiệm quan tâm, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H là phù hợp theo quy định

của Điều 104- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần được chấp nhận. Vì vậy, để đảm bảo việc học tập sinh sống ổn định và quyền lợi tốt nhất của con chung cần áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 104- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cho bà Tạ Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung của anh U, chị Q là cháu Dương Văn H, sinh ngày 11/8/2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh U, bà N không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp chị Giáp Thị Q về Việt Nam, anh Dương Văn U chấp hành xong hình phạt tù và có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung thì các đương sự có thể làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ): chị Q không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc chị Giáp Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

[7]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 104; khoản 2, Điều 123; Điều 127- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37; khoản 4, Điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228; điểm b, khoản 1, Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, khoản 5, điểm a, khoản 6, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Giáp Thị Q được ly hôn anh Dương Văn U.

2. Về con chung: Giao cho bà Tạ Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Dương Văn H, sinh ngày 11/8/2014.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp chị Giáp Thị Q về Việt Nam, anh Dương Văn U chấp hành xong hình phạt tù và có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung thì các đương sự có thể làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về án phí: Chị Giáp Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000919 ngày 31/3/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh B.

4. Về quyền kháng cáo:

- Chị Giáp Thị Q hiện đang cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Anh Dương Văn U, bà Tạ Thị N cư trú tại Việt Nam, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Cấp Cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B
- UBND xã Song V, huyện Tân Y.
- Công thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hà

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hà

